

Bình Dương, ngày 12 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA
Năm báo cáo: 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thép Pomina
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700321364 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 8 năm 2010.
- Vốn điều lệ: 1.874.499.510.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.874.499.510.000 VND.
- Mã cổ phiếu : POM

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập vào ngày 17/08/1999 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng, Công ty TNHH Thép Pomina không ngừng nỗ lực củng cố và phát triển để trở thành một công ty sản xuất cung ứng thép xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, hướng đến việc hoàn thiện dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh nhằm thỏa mãn cao nhất yêu cầu của khách hàng.

Tiền thân của Công ty TNHH Thép Pomina là Nhà máy Thép Pomina 1 do Công ty TNHH Thép Việt sáng lập và đầu tư xây dựng.

Nhà máy Thép Pomina 1

Năm 1999, trong bối cảnh quá trình công nghiệp hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh, hàng loạt các công trình xây dựng đòi hỏi một sản phẩm thép chất lượng cao đảm bảo cho sự bền vững cho các công trình mang tầm vóc thời đại, đứng trước yêu cầu cấp bách đó, Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Thép Việt đã quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy Thép Pomina 1 với công suất 300.000 tấn/năm và đưa vào sản xuất đầu năm 2002. Tổng số vốn đầu tư: 525 tỷ đồng. Máy móc thiết bị được sản xuất bởi Công ty VAI-Pomini (Ý).

Nhà máy có khả năng sản xuất tất cả các chủng loại thép xây dựng theo các tiêu chuẩn của Nhật Bản, Mỹ, EU, Nga, ... và do đó ngay lập tức Nhà máy Pomina đã chiếm lĩnh thị phần lớn trong phân khúc các công trình trọng điểm của đất nước nhờ vào độ tin cậy về chất lượng.

Thêm vào đó, đội ngũ CBCNV trẻ năng động đã được đưa đi đào tạo tại Ý và chuyên gia Ý thực hiện đào tạo tiếp tục tại Việt Nam cũng đã phát huy năng lực trong vận hành sản xuất.

Hệ thống phân phối của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam do Công ty TNHH Thép Việt quản lý đã nhanh chóng đưa Thép Pomina là một trong những địa chỉ quen thuộc nhất của ngành thép ngay từ năm đầu tiên sản xuất.

Từ những yếu tố trên, ngay trong năm đầu tiên nhà máy đã có lãi và đạt công suất thiết kế vào năm thứ 2 của dự án.

Xây dựng dàn cán Thép 2 trực thuộc Nhà máy Pomina 1

Đáp ứng nhu cầu thị trường, Nhà máy 1 liên tục chạy hết công suất, trước tín hiệu khả quan đó, dàn cán thép 2 tiếp tục được bắt đầu xây dựng vào năm 2003 và bắt đầu đi vào sản xuất vào năm 2005, với công suất 300.000 tấn/năm, nâng tổng công suất lên 600.000 tấn/năm, với tổng vốn đầu tư 2 dàn cán là 68 triệu USD (tương đương 1.100 tỷ đồng).

Nhà máy được cung cấp bởi Công ty SIMAC (Ý), và có thể sản xuất tất cả các tiêu chuẩn và chủng loại thép xây dựng từ D14 trở lên, ngoài ra, dàn cán thép 2 còn sản xuất thép hình các loại như U, I, V, H.

Đến năm 2006, dàn cán thép 2 đã đạt 100% công suất thiết kế.

Công ty Cổ phần Thép Pomina

Đến ngày 17/07/2008, công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Pomina với số vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Thép Pomina tăng vốn điều lệ lên 820 tỷ đồng vào tháng 7/2009 bằng việc phát hành riêng lẻ.

Tháng 7/2009 Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức thành lập Nhà máy luyện phôi thép, trên khu đất 46 hecta, tại KCN Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu, tổng vốn đầu tư 1.379 tỷ đồng, (trong đó vốn chủ sở hữu 495 tỷ - vốn vay 884 tỷ đồng), với công suất của dự án là: luyện 1 triệu tấn phôi và cán 0,5 triệu tấn thép xây dựng. Dự án đã đi vào sản xuất vào cuối năm 2010.

Ngày 31/08/2009, Công ty Cổ phần Thép Pomina đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc đăng ký trở thành Công ty đại chúng.

Trong tháng 12/2009, được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Thép Pomina phát hành riêng lẻ cho (1) các cổ đông Công ty Cổ phần Thép Việt nhằm sở hữu 99.5% Thép Việt với quy mô 0,5 triệu tấn phôi luyện và 0,5 triệu tấn thép cán; và (2) các nhà đầu tư tổ chức; nâng vốn điều lệ lên 1.630 tỷ đồng.

Ngày 07/4/2010, Công ty Cổ phần Thép Pomina chính thức niêm yết trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM với mã cổ phiếu là POM.

Tháng 8 năm 2010, Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina được thành lập với số vốn điều lệ của công ty là 100 tỷ VND, trong đó, Công ty Thép Pomina góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ, Công ty mẹ Thép Việt góp 50 tỷ VND tương đương 50% vốn điều lệ. Văn phòng của ông ty liên doanh được đặt tại 289 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động chính là bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm, phôi thép, thép hình, phế liệu, phế thải kim loại và bán lẻ vật liệu xây

dựng. Tuy nhiên, sau 4 năm hoạt động, Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina kinh doanh không hiệu quả. Vì thế, tháng 11-2014, Hội Đồng Quản Trị đã quyết định thoát vốn 100% trong công ty liên doanh này.

Đầu năm 2011, Pomina đã khởi công xây dựng nhà máy luyện phôi thép (Pomina 3) công suất 1 triệu tấn năm tại KCN Phú Mỹ và đã đưa vào sản xuất chính thức Quý 4 năm 2012. Tính đến thời điểm 2013, Pomina là nhà máy thép lớn nhất Việt Nam với tổng công suất của Pomina là:

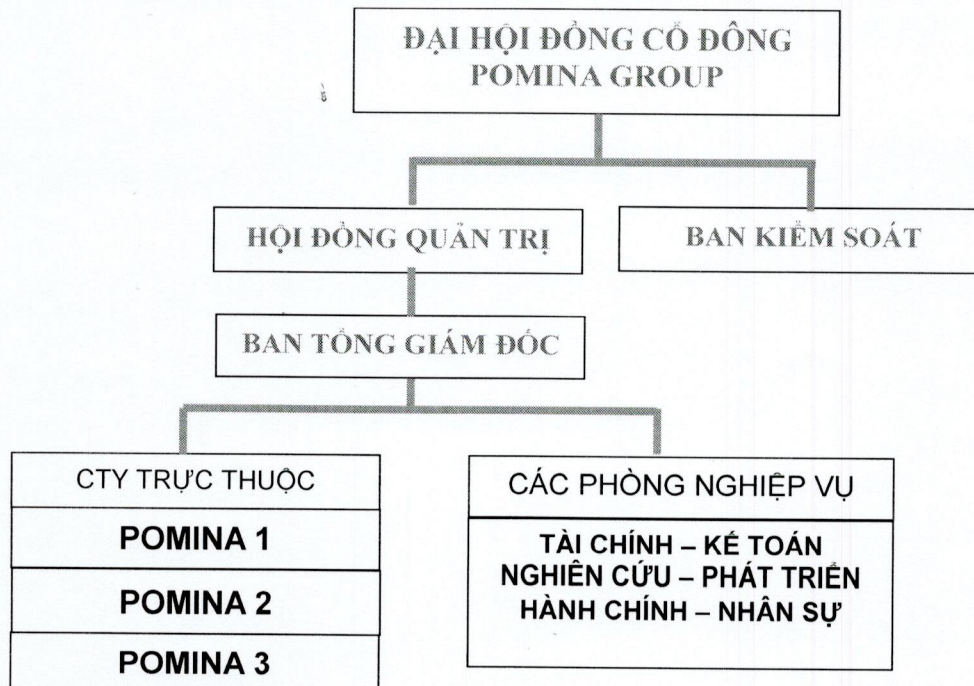
- Công suất luyện phôi thép: 1,5 triệu tấn
- Công suất cán thép xây dựng: 1,1 triệu tấn

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất sắt, thép, gang;
 - Tái chế phế liệu kim loại : hoạt động tại chi nhánh (nhà máy luyện phôi thép), không hoạt động tại trụ sở chính;
 - Kinh doanh các sản phẩm từ thép.
- Địa bàn kinh doanh: Phạm vi cả nước, nhưng chủ yếu là các tỉnh phía Nam và xuất khẩu sang Campuchia.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ POMINA GROUP



Công ty con, công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết
Chi nhánh POMINA 1	Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất: cán thép	Trực thuộc	100%
Chi nhánh POMINA 3	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép	Trực thuộc	100%
Công ty con POMINA 2	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Sản xuất: luyện và cán thép Khai thác, kinh doanh cảng biển, đầu tư khai thác các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật.	800 Tỷ	99.5%

5. Định hướng phát triển năm 2016:

- Theo Hiệp Hội ngành thép, thị trường sắt xây dựng năm 2016 có triển vọng tăng trưởng 15%. Trên cơ sở các thuận lợi của những tháng đầu năm 2016, Công ty sẽ tập trung tìm kiếm lợi nhuận các năm tới cho cổ đông, khai thác hiệu quả nhất cơ sở hiện có thay vì đầu tư mở rộng mảng thép xây dựng (Sau khi nghiên cứu, Công ty quyết định không đầu tư lò cao vì không hiệu quả)
- Sử dụng thương hiệu Pomina, hệ thống phân phối sẵn có đầu tư vào các mảng sản xuất sản phẩm cuối cùng sử dụng nguyên liệu cán nóng, cán nguội với vốn đầu tư không lớn nhưng hiệu quả cao
- Giảm vốn vay, tăng hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí tài chính
- Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu
- Lợi nhuận dự kiến 250 tỷ chấm dứt lỗ lũy kế 3 năm 212 tỷ.

6. Các rủi ro:

- a. Thị trường tăng trưởng mạnh nhưng bên cạnh đó cũng có sự tham gia của một số nhà máy mới
- b. Rủi ro về tỷ giá hối đoái và lãi suất vay dài hạn còn cao

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

- Tiêu thụ thép cả nước có xu hướng tăng mạnh trở lại, tiêu thụ thép cả nước năm 2015 là 6,42 triệu tấn, tăng 22,75% (năm 2014 là 5,23 triệu tấn). Tiêu thụ của POM tăng 107,70 % so với năm 2014 (chiếm 14% % thị phần trong cả nước). Xuất khẩu của POM trong năm 2015 tiếp tục tăng mạnh 104,03% so với năm 2014.

- Giá nguyên vật liệu giảm sâu từ năm 2013 và tiếp tục giảm trong năm 2015 - cụ thể, giá phế giảm 33,3%; giá quặng giảm 32,1% và billet giảm 45,6%
- Tổng nợ bình quân 5.015 tỷ - Dự kiến chi phí tài chính 342 tỷ nhưng thực tế lên đến 421 tỷ - tăng 79 tỷ. Nguyên nhân tăng do trong năm 2015 Ngân hàng Nhà nước ngoài quyết định điều chỉnh tỷ giá tăng 2% còn cho phép tăng biên độ tỷ giá lên 3% áp dụng từ ngày 19/8 khiến cho tỷ giá tăng mạnh làm chi phí tài chính tăng vượt dự kiến 24,86%.

Từ 2 nguyên nhân trên đưa đến POM dù chấm dứt lỗ nhưng vẫn không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đề ra là 200 tỷ.

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	11.000	9.807	89,15%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	200	27,8	13.90%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,82	0,28	
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	8,5	1,17	
Cổ tức	-	-	

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ & Tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc	5,115,384cp # 2.729%
Nguyễn Nhật Trường	Kế toán trưởng	0

- Những thay đổi trong ban điều hành:
Ông Đỗ Tiến Sĩ thay Ông Đỗ Duy Khánh làm Tổng Giám đốc bắt đầu từ tháng 13/07/2015.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.315 người.
- Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Không có
- Các công ty con, công ty liên kết: Trong năm 2015 không có đầu tư thêm vào các công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

	2014	2015	2015 / 2014
Tổng giá trị tài sản	9.369.826.649.201	7.123.333.135.050	0,76
Doanh thu thuần	10.804.878.879.947	9.807.578.644.917	0,91
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(28.515.505.714)	27.819.524.282	-0,98
Lợi nhuận khác	(15.248.824.606)	(10.364.964.971)	0,68
Lợi nhuận trước thuế	(25.865.028.105)	28.995.941.376	-1,12
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(28.709.332.685)	27.487.497.246	-0,96

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	2013	2014	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.03	0.99	1.01
TSLĐ/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.50	0.44	0.49
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68.05	74.75	66.69
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	213.43	296.68	200.23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	4.1	3.3	3.6
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1.32	1.15	1.38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1.96	-0.26	0.28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-2.58	-0.30	0.39
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp bình quân	%	-10.35	-1.52	1.48
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-8.12	-1.22	1.17
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-1.15	-0.10	0.40

c) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	2013	2014	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.03	0.99	1.01
TSLĐ/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.50	0.44	0.49
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	68.05	74.75	66.69
+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	%	213.43	296.68	200.23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4.1	3.3	3.6
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1.32	1.15	1.38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1.96	-0.26	0.28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-2.58	-0.30	0.39
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp bình quân	%	-10.35	-1.52	1.48
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-8.12	-1.22	1.17
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-1.15	-0.10	0.40

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 187,449,951 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 49,194,939cp
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 138,255,012cp
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

b) **Cơ cấu cổ đông:**

Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 30-3-2016, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

2016	1. Cổ đông VN			2. Cổ đông nước ngoài			TỔNG CỘNG		
	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ
A. Cổ đông pháp nhân	34	121,212,375	64.66%	2	1,955	0.00%	36	121,214,330	64.66%
B. Cổ đông cá nhân	677	54,049,855	28.83%	33	12,185,766	6.50%	710	66,235,621	35.34%
TỔNG CỘNG	711	175,262,230	93.50%	35	12,187,721	6.50%	746	187,449,951	100.00%

Phân loại khác:

	SỐ CĐ	SỐ CP	TỶ LỆ	GHI CHÚ
Cổ đông sáng lập	1	116,743,868	62,28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	
Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu trên 5%)	1	116,743,868	62,28%	Công ty TNHH TM và SX Thép Việt
CỔ PHIẾU QUỸ		1,132,790	0.60%	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm: không có.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 1,132,790 cp
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: không có.

e) **Các chứng khoán khác:** không có.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

A. Thuận lợi năm 2015:

- a) Năm 2015 tiêu thụ thép cả nước tăng mạnh trở lại
- b) Nợ dài hạn đã giảm từ 970 tỷ xuống còn 789 tỷ.
- c) Thương hiệu mạnh và là sản phẩm được ưu tiên lựa chọn của các công trình trọng điểm

B. Khó khăn năm 2015:

- a) Lãi suất vay dài hạn cao và tỷ giá thay đổi làm tăng chi phí tài chính cho DN
- b) Nhu cầu về thép có cải thiện mạnh nhưng vẫn mất cân đối.
- c) Xu thế giá nguyên liệu trên thế giới năm 2015 vẫn giảm sâu gây ảnh hưởng đến giá thành, giá bán sản phẩm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tình hình biến động tài sản:

Nội dung	Tăng	Giảm	Nguyên giá TSCĐ
Tại thời điểm 31/12/14			4.932.006.599.102
o Mua tài sản trong năm	22.756.189.507		
o Xây dựng hoàn thành	532.153.735		
o Thanh lý tài sản		2.389.968.356	
Tại thời điểm 31/12/15			4.952.904.973.988

b) Tình hình công nợ:

- **Tình hình nợ phải thu:**

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ % (tăng/giảm)	Quá hạn
Phải thu khách hàng	2.009.885.867.341	1.874.119.808.322	-7,24	0
Các khoản phải thu khác	5.004.914.813	25.444.826.044	80,33	0

- **Tình hình nợ phải trả**

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
1.Nợ ngắn hạn	6.234.964.380.058	4.184.301.817.074	-49,01
Trong đó: - Vay ngắn hạn	5.556.497.445.410	3.805.592.102.980	-46,01
- Phải trả người bán	462.818.950.860	230.679.996.608	-100,63

- Chi phí phải trả	136.756.039.373	94.846.697.614	-44,19
2.Nợ dài hạn	790.049.595.945	566.399.120.496	-39,49
Trong đó: Vay dài hạn	789.011.238.445	566.399.120.496	-39,30

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ % (tăng/giảm)
-Chi phí lãi vay	274.466.539.735	261.441.020.951	-4,98
-Chi phí lãi trả chậm	-	-	-
-Chi phí sử dụng vốn vay	-	1.918.225.851	100
-Lỗi tỷ giá hối đoái	72.188.879.690	169.510.223.972	57,41
Cộng chi phí tài chính	346.655.419.425	432.869.470.774	19,92

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Hiện nay về cơ cấu tổ chức đã đi vào ổn định, các chính sách quản lý chủ yếu hướng vào giảm chi phí sản xuất
- Kế hoạch phát triển trong tương lai: tạm hoãn dự án đầu tư lò cao
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015 giữ vững thị phần 15% trên phạm vi cả nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu đạt 15,30 % doanh thu. Tuy nhiên, hiệu quả tài chính năm 2015 chưa đạt kế hoạch do:

- So năm 2014, sản lượng tiêu thụ năm 2015 tăng 107,70% nhưng do giá nguyên vật liệu giảm liên tục đưa đến cạnh tranh gay gắt do giá bán giảm dần từ đầu năm đến cuối năm, doanh thu 2015 chỉ đạt 9.863 tỷ, giảm 8,77% so năm 2014.
- Khấu hao tài sản giá trị hàng năm lớn, xấp xỉ 300 tỷ/năm.
- Chi phí tài chính còn cao.

Từ các yếu tố nêu trên khiến lợi nhuận năm 2015 tuy đã thoát lỗ và có lãi 27,48 tỷ nhưng vẫn chưa đạt kế hoạch 200 tỷ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Chấp hành đúng các quyết nghị của Hội đồng quản trị.
- Chăm lo tốt đời sống của công nhân viên
- Công tác quan hệ khách hàng, mở rộng nguồn hàng đặc biệt là chủ trương của Tổng Thực hiện tốt chính sách tiết kiệm chống lãng phí trong sản xuất của công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
--	----------	-----------	-------

	2016	2015	
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	10.000	9.807	102,0%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	250	27,4	899%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	2,5%	0,28	
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	10,5%	1,17	
Cổ tức	-	-	

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ & tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập, thành viên không điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT của công ty nắm giữ tại các DN khác	NHIỆM KỲ
1	Đỗ Xuân Chiêu	1,104,000cp # 0.589%			5 năm
2	Đỗ Tiến Sĩ	5,115,384cp # 2.729%			5 năm
3	Đỗ Thị Kim Cúc	5,430,277cp # 2.897%	Thành viên không điều hành		3 năm
4	Đỗ Văn Khánh	552,000cp # 0.294%			5 năm
5	Đỗ Duy Thái	115,491,548cp #61.61%	(Đại diện cổ đông sáng lập)	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH Thép Việt	4 năm

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2015:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đỗ Xuân Chiêu	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Đỗ Duy Thái	PCT. HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Bà Đỗ Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

Hàng quý họp soát xét tình hình hoạt động kinh doanh, chỉ đạo, tháo gỡ về chính sách giúp Ban Tổng Giám Đốc đối phó tình hình khó khăn hiện nay

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ & tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Trần Tô Từ	2,875cp # 0.002%
2	Nguyễn Bạch Trường Chinh	0
3	Đỗ Hoàn Mỹ	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- HĐQT và Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông,
- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,
- Các Biên bản họp, nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp hoặc các thành viên được ủy quyền dự họp.
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty,
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD.
- Các quyết định của Ban TGD đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban TGD đều được trình HĐQT và được HĐQT phê duyệt bằng nghị quyết,
- Các Hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2015 đều được ký kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và các cổ đông.
- Báo cáo tài chính năm 2015 tại công ty mẹ Pomina và tại công ty con Pomina 2 đã được kiểm toán và phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và không có bất kỳ sự ngoại trừ nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát: không có
- Cho Tổng Giám đốc: 1.656.948.106 đ/năm

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26-7-2012 của Bộ Tài Chính.

VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH : (đã được kiểm toán)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	2014	2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.811.068.287.097	9.863.802.770.245
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.189.407.150)	(56.224.125.328)
Doanh thu thuần	10.804.878.879.947	9.807.578.644.917
Giá vốn hàng bán	(10.370.585.792.887)	(9.238.990.160.766)
Lợi nhuận gộp	434.293.087.060	568.588.484.151
Doanh thu hoạt động tài chính	45.708.593.053	23.070.881.459
Chi phí tài chính	(346.655.419.425)	(432.869.470.774)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>(274.466.539.735)</i>	<i>(261.441.020.951)</i>
Chi phí bán hàng	(35.584.108.798)	(33.358.113.662)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(108.378.355.389)	(86.070.874.827)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10.616.203.499)	39.360.906.347
Thu nhập khác	227.141.689	6.378.622.542
Chi phí khác	(15.475.966.295)	(16.743.587.513)
Lợi nhuận khác	(15.248.824.606)	(10.364.964.971)
Lãi/(lỗ) trong công ty Liên doanh, Liên kết		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(25.865.028.105)	28.995.941.376
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(2.650.477.609)	(1.176.417.094)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.515.505.714)	27.819.524.282
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	193.826.971	332.027.036
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(28.709.332.685)	27.487.497.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(154)	148

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	12/31/2015	01/01/2015
TÀI SẢN		

TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.234.739.302.842	6.151.052.752.303
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.776.944.492	107.032.309.764
Tiền	21.776.944.492	107.032.309.764
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Các khoản phải thu	1.935.948.153.205	2.099.084.534.646
Phải thu khách hàng	1.874.119.808.322	2.009.885.867.341
Trả trước cho người bán	36.383.518.839	84.193.752.492
Phải thu nội bộ ngắn hạn		
Các khoản phải thu khác	25.444.826.044	5.004.914.813
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		
Hàng tồn kho	2.175.628.717.094	3.643.112.512.234
Hàng tồn kho	2.175.628.717.094	3.646.564.581.402
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.452.069.168)
Tài sản ngắn hạn khác	101.385.488.051	301.823.395.659
Chi phí trả trước ngắn hạn	10.040.285.515	20.870.370.786
Thuế GTGT được khấu trừ	77.594.759.530	270.999.823.002
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13.750.443.006	9.953.201.871
Tài sản ngắn hạn khác		
TÀI SẢN DÀI HẠN	2.888.593.832.208	3.218.773.896.898
Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	10.000.000	10.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		
Tài sản cố định	2.706.176.491.578	3.005.852.103.603
Tài sản cố định hữu hình	2.698.960.630.071	2.997.863.846.025
Nguyên giá	4.952.904.973.988	4.932.006.599.102
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.253.944.343.917)	(1.934.142.753.077)
Tài sản cố định thuê tài chính		
Tài sản cố định vô hình	7.215.861.507	7.988.257.578
Nguyên giá	14.406.504.484	13.606.504.484
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.190.642.977)	(5.618.246.906)
Tài sản dở dang dài hạn	83.982.424.837	84.514.578.572
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	83.982.424.837	84.514.578.572
Bất động sản đầu tư		
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.402.985.380	11.402.985.380
Đầu tư vào Cty con, Cty liên kết, liên doanh		
Đầu tư dài hạn khác	11.402.985.380	11.402.985.380
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
Tài sản dài hạn khác	87.021.930.413	116.994.229.343
Chi phí trả trước dài hạn	87.021.930.413	116.994.229.343
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Lợi thế thương mại		

TỔNG CỘNG TÀI SẢN	7.123.333.135.050	9.369.826.649.201
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ	4.750.700.937.570	7.025.013.976.003
Nợ ngắn hạn	4.184.301.817.074	6.234.964.380.058
Vay và nợ ngắn hạn	3.805.592.102.980	5.556.497.445.410
Phải trả cho người bán	230.679.996.608	462.818.950.860
Người mua trả tiền trước	1.558.471.055	18.659.227.753
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	14.591.028.769	21.030.925.738
Phải trả công nhân viên	4.455.048.001	4.996.367.568
Chi phí phải trả	94.846.697.614	136.756.039.373
Phải trả nội bộ		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.992.777.743	27.826.892.359
Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	5.585.694.304	6.378.530.997
Nợ dài hạn	566.399.120.496	790.049.595.945
Phải trả dài hạn người bán		
Phải trả dài hạn nội bộ		
Phải trả dài hạn khác		1.038.357.500
Vay và nợ dài hạn	566.399.120.496	789.011.238.445
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
Dự phòng phải trả dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện		
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.372.632.197.480	2.344.812.673.198
Vốn chủ sở hữu	2.372.632.197.480	2.344.812.673.198
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.874.499.510.000	1.874.499.510.000
Thặng dư vốn cổ phần	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(31.347.567.000)	(31.347.567.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Quỹ đầu tư phát triển	701.430.066.244	701.430.066.244
Quỹ dự phòng tài chính		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Lợi nhuận chưa phân phối	(212.262.714.148)	(239.750.211.394)
Nguồn kinh phí và quỹ khác		
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	5.312.902.384	4.980.875.348
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	7.123.333.135.050	9.369.826.649.201

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	2014	2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	(25.865.028.105)	28.995.941.376

	2014	2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	(25.865.028.105)	28.995.941.376
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Khấu hao tài sản cố định	322.625.839.871	323.041.991.259
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	2.780.436.689	(3.452.069.168)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	22.212.649.599	5.655.513.188
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(30.626.931.453)	(663.207.289)
Chi phí lãi vay	274.466.539.735	261.441.020.951
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	565.593.506.336	615.019.190.317
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(643.822.553.423)	352.680.648.981
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(1.598.513.305.648)	1.470.935.864.308
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	95.098.753.730	(373.824.267.632)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	58.586.784.442	40.802.384.201
Tiền lãi vay đã trả	(275.239.437.924)	(190.323.126.235)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.367.345.600)	(792.836.693)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.799.663.598.087)	1.914.497.857.247
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(64.654.344.859)	(23.556.189.507)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác		145.454.546
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.000.000.000)	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	626.931.453	1.385.171.297
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	
Tiền lãi đã nhận		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(36.027.413.406)	(22.025.563.664)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	11.708.035.595.283	11.237.828.808.084
Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.918.441.116.167)	(13.216.154.509.747)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(26.838.125)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.789.567.640.991	(1.978.325.701.663)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	(46.123.370.502)	(85.853.408.080)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	153.142.892.503	107.032.309.764
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	12.787.763	598.042.808
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	107.032.309.764	21.776.944.492

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA
CHỦ TỊCH

Ý kiến của kiểm toán :





Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61121142/17794163-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thép Pomina

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Pomina và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY

Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Ngô Hồng Sơn".

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2016